TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thi Hữu Giàu

Bà Lê Thị Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị N - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-5-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn C *trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị N tổ chức đám cưới vào năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 10-10-2001. Ông bà sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn thường xuyên cải vã mất hạnh phúc gia đình. Ông bà vẫn còn sống chung nhà, nhưng không quan tâm đến nhau.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị N.

Về nuôi con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 10-10-1986, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11-10-1990 và Nguyễn Tấn S, sinh ngày 24-9-1999. Khi ly hôn 03 con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị N Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà N được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N chung sống có đăng ký kết hôn ngày 10-10-2001 tại Ủy ban nhân dân M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà N là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông C, Hội đồng xét xử nhận định: ông C cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã. Ông bà tuy còn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với ông C. Vì vậy, qua lời trình bày của ông C nhận thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông C yêu cầu ly hôn với bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ông C và bà N có 03 con chung tên Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 10-10-1986, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11-10-1990 và Nguyễn Tấn S, sinh ngày 24-9-1999. Khi ly hôn 03 con chung đã thành niên không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông C trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8.1] Ông C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông C đã nộp đủ tiền án phí.

[8.2] Bà N không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Phạm Thị N.

2. Về nuôi con chung: Các con chung tên Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 10-10-1986, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 11-10-1990 và Nguyễn Tấn S, sinh ngày 24-9-1999 - đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004509 ngày 18-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái